

Báo cáo của Ban Kiểm soát

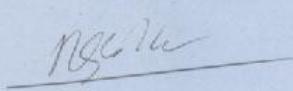
Thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát Ngân hàng Kiên Long báo cáo trước Đại hội Cổ đông việc thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng lặp ngày 3/1/2/2007. Việc lập các báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc thực hiện theo đúng chế độ kế toán các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước ban hành. Sau đây là ý kiến nhận xét của chúng tôi về các báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Kiên Long dựa vào kết quả của quá trình kiểm tra kiểm soát và thẩm định các báo cáo tài chính.

Công việc kiểm tra kiểm soát và thẩm định các báo cáo tài chính được thực hiện căn cứ vào các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam áp dụng cho các Ngân hàng TMCP, căn cứ vào chế độ kế toán tài chính mà Ngân hàng đang áp dụng và các quy định nội bộ của Ngân hàng Kiên Long.

Việc kiểm tra kiểm soát hoạt động của Ngân hàng Kiên Long được chúng tôi thực hiện theo đúng kế hoạch đã xây dựng ngay từ đầu năm 2007. Việc kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán để bảo đảm việc chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán được thực hiện thường xuyên hàng tháng tại Hội sở của Ngân hàng; việc kiểm tra tình tuân thủ trong hoạt động của các phòng ban cũng như của các đơn vị thành viên được kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra hoặc đặt xuất khi có yêu cầu; việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2007 của Ngân hàng được thực hiện vào cuối năm 2007 khi các báo đã được lập xong, trên những cơ sở đó chúng tôi đưa ra những nhận xét như sau:

Theo nhận định của chúng tôi các báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Kiên Long năm 2007 đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007 và được lập phù hợp với hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng hiện hành do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trưởng BKS



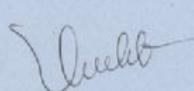
Nguyễn Chí Nieu

Thành Viên BKS



Lê Thanh Hưng

Thành Viên BKS



Nguyễn Văn Phú

NHIỆM VỤ & định hướng hoạt động năm 2008 và giai đoạn 2008-2010

Qua đánh giá tổng kết năm tài chính 2006 của HDQT, BKS và kết quả kiểm toán của Công ty kiểm toán AISC đã chứng tỏ hoạt động của Ngân hàng Kiên Long phát triển một cách bền vững và ổn định và hiệu quả. Trên cơ sở đó Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Kiên Long manh dạn đặt ra nhiệm vụ và định hướng hoạt động trong năm 2008 và giai đoạn năm 2008-2010, cụ thể như sau:

- Tăng nhanh vốn điều lệ để tăng cường năng lực tài chính: Kế hoạch trong năm 2008, Ngân hàng TMCP Kiên Long sẽ tăng vốn điều lệ lên tối thiểu là 2.000 tỷ đồng, và phấn đấu đạt mức vốn điều lệ trên 3.000 tỷ đồng vào cuối năm 2010 theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Mở rộng địa bàn hoạt động: Đầu năm 2008 sẽ mở chi nhánh tại Hải Phòng, Bình Dương, Dak Lak, Nha Trang, Bến Tre, An Giang, Vinh Long và các tỉnh, thành phố trọng điểm trong cả nước. Phấn đấu đến năm 2010 sẽ có trên 100 Chi nhánh và phòng giao dịch hoạt động trên toàn quốc.
- Thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực: Đầu tư đào tạo, đào tạo lại đội ngũ CBNV đáp ứng theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu công việc. Xây dựng quy trình tuyển dụng chất lượng nhằm thu hút và tuyển chọn nhân viên có năng lực và tâm huyết với công việc. Thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm và dịch vụ mới: Bên cạnh giữ vững và phát huy lợi thế các sản phẩm dịch vụ truyền thống, Ngân hàng TMCP Kiên Long sẽ tạo bước đột phá trong việc phát triển thêm nhiều sản phẩm dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Cụ thể sẽ tập trung phát triển các sản phẩm dịch vụ như: Đầu mạnh hoạt động tin dùng đối với khách hàng doanh nghiệp và tài trợ xuất khẩu. Phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại: InternetBanking, HomeBanking, Mobilebanking, ATM/POS, thẻ ngân hàng. Phát triển các sản phẩm dịch vụ: Thuê mua tài chính, chuyển tiền nhanh nội địa, kiều hối, bảo hiểm, quản lý nợ- khai thác tài sản, môi giới- tư vấn đầu tư chứng khoán, cầm cố chứng khoán ...
- Ngân hàng TMCP Kiên Long sẽ đẩy mạnh công tác tiếp thị hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Phát triển thương hiệu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Kiên Long, từng bước đưa Kienlong Bank trở thành "Ngân hàng thân quen" đối với khách hàng tại các địa bàn hoạt động.
- Thực hiện chiến lược hiện đại hóa và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thông tin, lấy công nghệ thông tin làm cơ sở để phát triển mô hình ngân hàng hiện đại. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật với dự án CoreBanking được khẩn trương tiến hành nhằm phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- Đẩy mạnh hoạt động liên kết liên doanh với các Ngân hàng Thương mại, các tổ chức kinh tế để tranh thủ sự hỗ trợ về kinh nghiệm quản trị điều hành, tài chính, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển sản phẩm dịch vụ.
- Triển khai hoạt động đầu tư mới như tham gia các quỹ đầu tư, ký kết hợp tác đầu tư, xúc tiến thành lập Công ty Cổ phần Địa ốc Kiên Long, hợp tác đầu tư các dự án bất động sản, chung cư cao cấp. Thành lập Công ty Chứng khoán Kiên Long để khai thác thêm nguồn vốn cho Ngân hàng.

Một số chỉ tiêu phấn đấu trong năm 2008:

- Tổng tài sản : 7.693 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ : 2.000 tỷ đồng.
- Tổng mức huy động vốn đạt : 5.342 tỷ đồng.
- Tổng dư nợ đạt : 3.277 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu : < 2% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 300% so với năm 2007.
- Cố tức của cổ đông tối thiểu bằng đạt: 10%/năm.



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Số: 010711/AISC-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2007
TRÌNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối tài chính vào ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Kiên Long từ trang 04 đến trang 26.

Việc soạn thảo và lập các báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Quý-Ngân hàng.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán Quốc tế được chấp nhận. Chúng tôi lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu, các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc, phương pháp kế toán đã được áp dụng, các ước tính, xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá sự trình bày đầy đủ các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đã trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kiên Long cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và được soạn thảo phù hợp với chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam ban hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2008

Kiểm toán viên

Trần Ngọc Hùng

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 1084 /KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp.



Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0476 /KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp.

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

DVT: đồng VN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	Tài sản			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	28.673.499.460	12.987.026.973
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.02	150.456.344.997	7.722.465.436
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác	V.03	482.475.239.494	172.654.418.834
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		482.475.239.494	172.654.418.834
2	Cho vay các TCTD khác		-	-
3	Dư phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV	Chứng khoán kinh doanh		-	-
1	Chứng khoán kinh doanh		-	-
2	Dư phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V	Các công cụ tài chính phải sinh và các TS tài chính khác		-	-
VI	Cho vay khách hàng	V.04	1.344.405.513.031	596.524.503.225
1	Cho vay khách hàng		1.351.742.259.996	602.124.219.472
2	Dư phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.05	(7.336.746.965)	(5.599.716.247)
VII	Chứng khoán đầu tư	V.06	50.000.000.000	-
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000.000	-
3	Dư phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	60.550.000.000	-
1	Đầu tư vào công ty con		-	-
2	Vốn góp liên doanh		-	-
3	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4	Đầu tư dài hạn khác		60.550.000.000	-
5	Dư phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
IX	Tài sản cố định		23.060.089.913	9.283.622.213
1	Tài sản cố định hữu hình	V.08	17.936.583.607	7.102.025.164
a	Nguyên giá tài sản cố định		20.167.610.214	8.448.002.900
b	Hao mòn tài sản cố định		(2.231.026.607)	(1.345.977.736)
2	Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a	Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b	Hao mòn tài sản cố định		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	V.09	5.123.506.306	2.181.597.049
a	Nguyên giá tài sản cố định		5.397.614.320	2.257.286.000
b	Hao mòn tài sản cố định		(274.108.014)	(75.688.951)
X	Bất động sản đầu tư		-	-
a	Nguyên giá BDSĐT		-	-
b	Hao mòn BDSĐT		-	-
XI	Tài sản Cố khác	V.10	61.235.255.762	27.878.306.696
1	Các khoản phải thu	V.10.2	26.179.599.344	13.910.322.582
2	Các khoản lãi, phí phải thu		30.362.533.962	13.564.418.895
3	Tài sản thuê TNNDN hoàn lại		-	-
4	Tài sản cố khác	V.10	4.693.122.456	403.565.219
5	Các khoản DPRR cho các tài sản Cố nội bảng khác		-	-
	Tổng tài sản có		2.200.855.942.657	827.050.343.377

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	ĐVT: đồng VN
B	Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
I	Các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	-	
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.II	505.301.850.045	16.000.000.000	
1	Tiền gửi của các TCTD khác		450.301.850.045	-	
2	Vay các TCTD khác		55.000.000.000	16.000.000.000	
III	Tiền gửi của khách hàng	V.12	952.245.656.656	447.226.106.183	
IV	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ TC khác		-	-	
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư cho vay TCTD chịu rủi ro	V.13	70.895.840.000	29.801.070.000	
VI	Phát hành giấy tờ có giá		-	-	
VII	Các khoản nợ khác	V.14	33.991.230.793	15.654.801.442	
1	Các khoản lãi, phí phải trả		22.245.745.558	10.292.743.217	
2	Thuế TNDN hoàn lại phải trả		-	-	
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		11.740.799.235	5.362.058.225	
4	Dự phòng rủi ro khác (DP nợ tiềm ẩn và CK ngoại bảng khác)	V.14	4.686.000	-	
	Tổng nợ phải trả		1.562.434.577.494	508.681.977.625	
VIII	Vốn và các Quỹ	V.15	638.421.365.163	318.368.365.752	
1	Vốn của TCTD		580.006.000.000	290.003.000.000	
a	Vốn điều lệ		580.006.000.000	290.003.000.000	
b	Vốn đầu tư XDCB		-	-	
c	Thặng dư vốn cổ phần		-	-	
d	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	
e	Cổ phiếu ưu đãi		-	-	
g	Vốn khác		-	-	
2	Quỹ của TCTD		4.556.984.242	3.140.472.062	
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	
5	Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế		53.858.380.921	25.224.893.690	
IX	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-	
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		2.200.855.942.657	827.050.343.377	

CÁC CHI TIỀU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		108.000.000	
1	Bảo lãnh vay vốn		-	-
2	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		-	-
3	Bảo lãnh khác		108.000.000	-
II	Các cam kết đưa ra		-	-
1	Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	-
2	Cam kết khác		-	-

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc



Trương Hoàng Lương

Kế toán trưởng

Nguyễn Châu

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế		74.803.306.835	25.224.893.690
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư		1.083.467.934	484.937.503
03	Du phong rủi ro tín dụng giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm		1.741.716.718	1.946.359.640
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ (thực tế chưa thu) (*)		(104.972.580.505)	(20.744.530.341)
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ (thực tế chưa trả)		70.052.668.228	29.373.027.026
06	(Lai)/lỗ do thanh lý TSCĐ		(39.245.000)	(1.082.220.200)
07	(Lai)/lỗ do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
08	(Lai)/lỗ do thanh lý những khoản đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cố tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HD đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		22.473.188	-
10	Các điều chỉnh khác		-	-
Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động				
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
11	(Tang)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		(401.305.000.000)	(65.000.000.000)
12	(Tang)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(50.000.000.000)	-
13	(Tang)/ Giảm các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
14	(Tang)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng		(749.618.040.524)	(270.623.966.986)
15	(Tang)/ Giảm lãi, phí phải thu		88.174.465.438	12.683.415.168
16	(Giảm)/ Tăng nguồn du phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
17	(Tang)/ Giảm khác về tài sản hoạt động		(16.581.307.187)	(6.111.636.624)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
18	Tăng/ (Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN			
19	Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		489.301.850.045	(11.910.000.000)
20	Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		505.019.550.473	170.785.411.771
21	Tăng/ (Giảm) các công cụ TC phát sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
22	Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi ro		41.094.770.000	13.801.070.000
23	Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoài trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		-	-
24	Tăng/ (Giảm) lãi, phí phải trả		(58.099.665.887)	(25.788.752.754)
25	Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động		6.378.741.010	956.883.733
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD trước thuế TN				
26	Thuế TNDN đã nộp (*)		(16.801.831.570)	(7.042.393.885)
27	Chi từ các quỹ của TCTD (*)		(524.055.245)	(778.792.514)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(120.268.716.049)	(153.826.294.773)

STT	Chi tiêu (1)	Thuyết minh	ĐVT: đồng VN	
			Năm nay (3)	Năm trước (4)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
01	Mua sắm TSCĐ (*)		(26.868.911.687)	(2.182.282.630)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		150.000.000	-
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)		(755.000)	-
04	Mua sắm bất động sản đầu tư (*)		-	-
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06	Tiền chi ra để bán, thanh lý bất động sản đầu tư (*)		-	-
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty, cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác) (*)		(60.550.000.000)	-
08	Tiền thu từ đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(87.269.666.687)	(2.182.282.630)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		290.003.000.000	261.022.590.572
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác (*)		-	-
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia (*)		(15.528.444.556)	(720.042.418)
05	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ (*)		-	-
06	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		274.474.555.444	260.302.548.154
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		66.936.172.708	104.293.970.751
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ		128.363.911.244	24.069.940.493
VI	Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	VII.23	195.300.083.952	128.363.911.244

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2008

Tổng Giám đốc



Trương Hoàng Lương

Kế toán trưởng

Nguyễn Châu

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: đồng VN

STT	Chi tiêu	Thuys minh	Năm nay	Năm trước
I	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.16	198.687.598.161	77.753.730.469
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.17	91.218.706.699	36.645.796.971
I	Thu nhập lãi thuần		107.468.891.462	41.107.933.498
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		811.852.733	529.841.385
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		612.227.012	389.081.691
II	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.18	199.625.721	140.759.694
III	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.19	15.640.625	-
IV	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		927.037.566	2.627.692.549
6	Chi phí hoạt động khác		110.755.000	404.110.600
VI	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.20	816.282.566	2.223.581.949
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.21	31.960.102.821	16.301.021.810
VIII	Chi phí hoạt động		-	-
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		76.540.337.553	27.171.253.331
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.737.030.718	1.946.359.640
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		74.803.306.835	25.224.893.691
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		20.944.925.914	7.062.970.233
8	Chi phí thuế TNDN hoàn lại		-	-
XII	Chi phí thuế TNDN	VI.22	20.944.925.914	7.062.970.233
XIII	Lợi nhuận sau thuế		53.858.380.921	18.161.923.458
XIV	Lợi ích của cổ đông tối thiểu		-	-
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mệnh giá 1.000.000 đ)		116.874	175.634

Kiên Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

Nguyễn Châu

Tổng Giám đốc



Trương Hoàng Lương